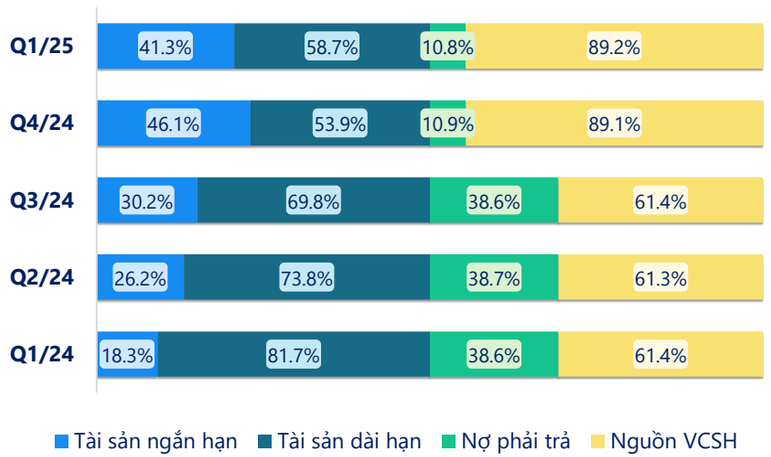
FireAnt

CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
SL cổ phiếu LH	36,868,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	330,260
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	111
P/E	-5.8
EPS	-515

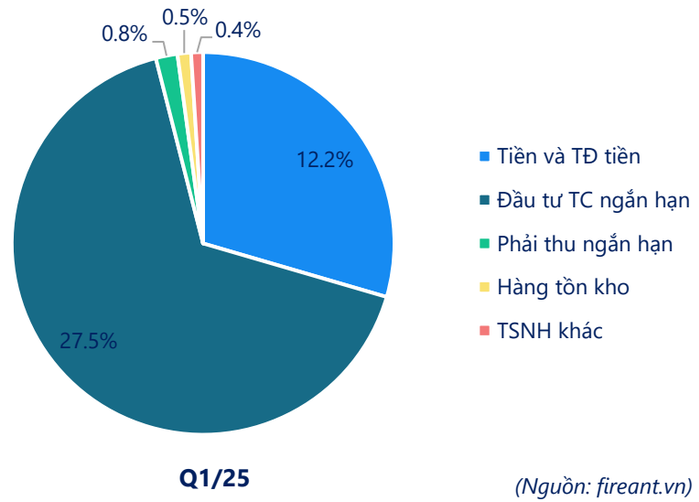
	YTD	1T	3T	6T
PV2	20.0%	-18.9%	20.0%	15.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



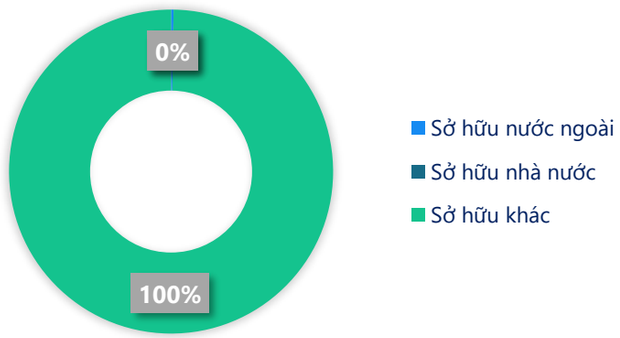
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



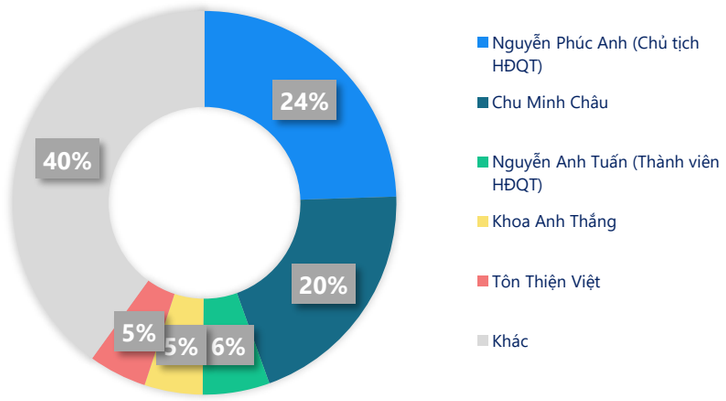
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



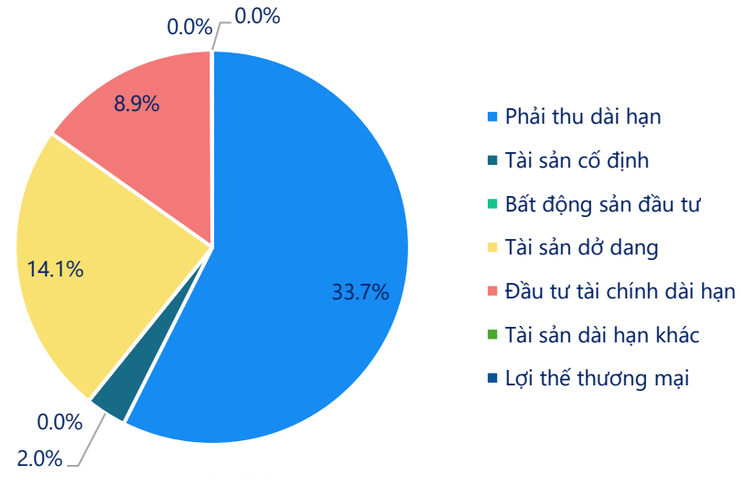
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

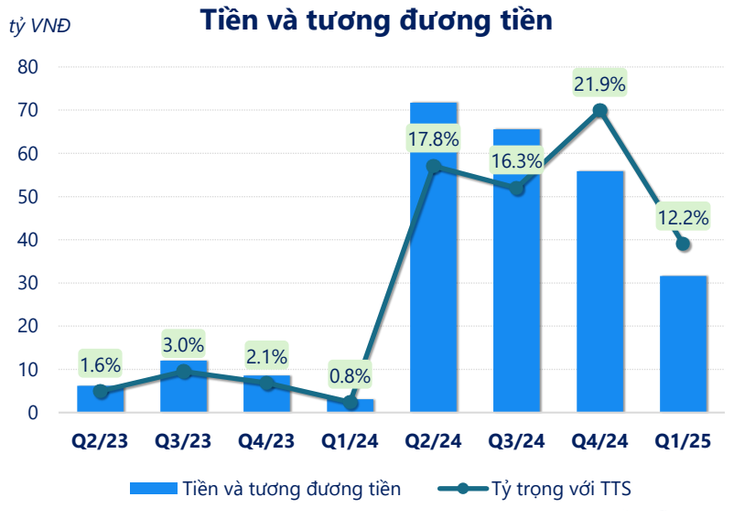


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

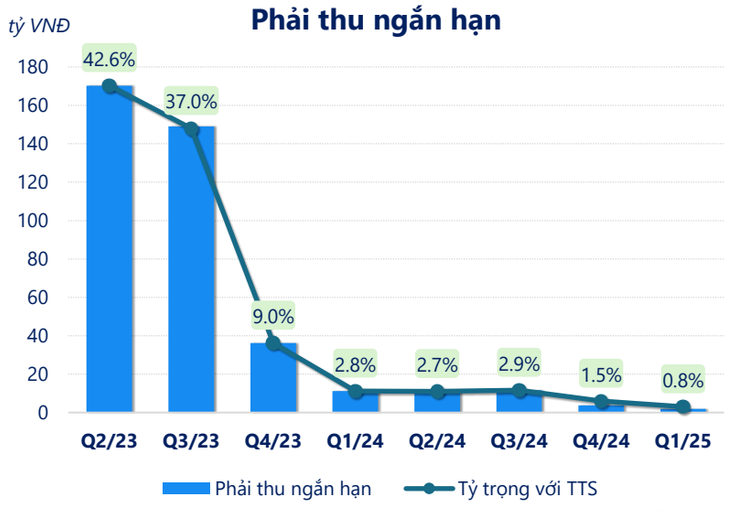
CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



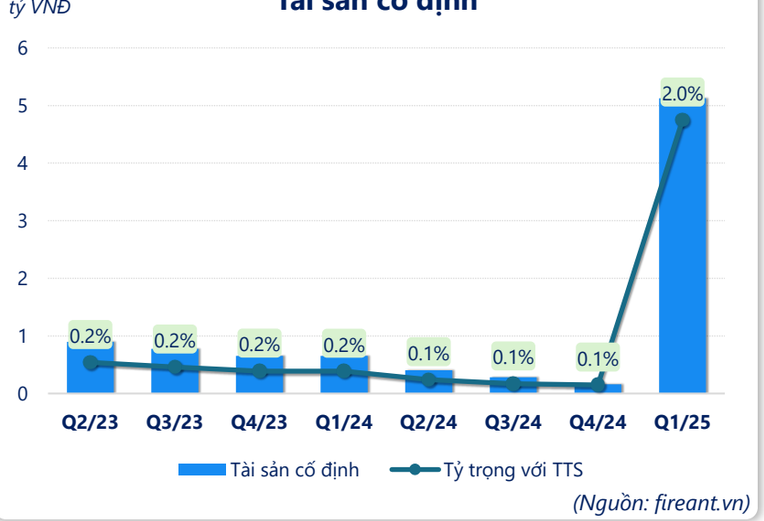
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



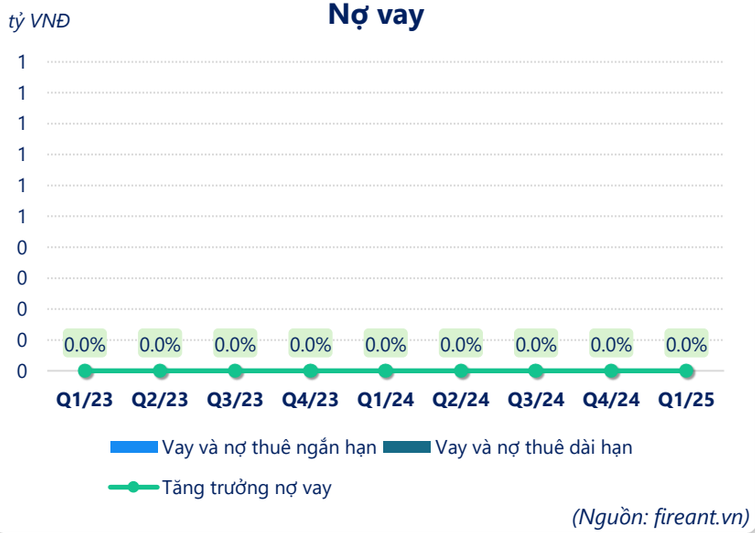
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



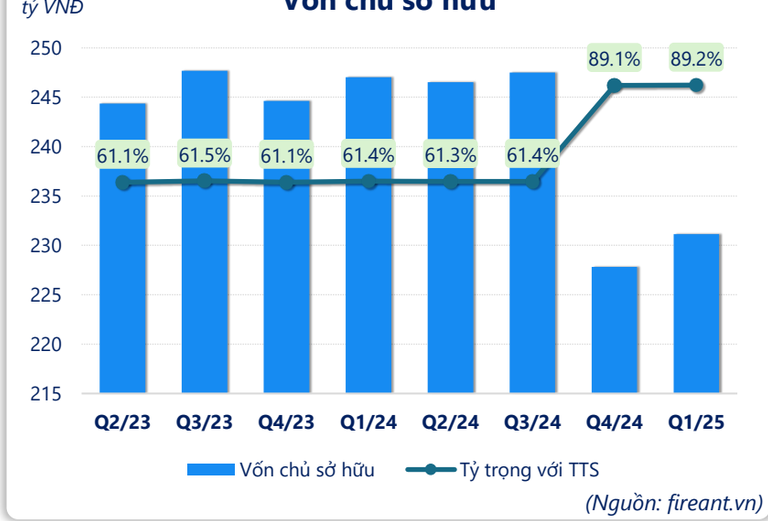
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

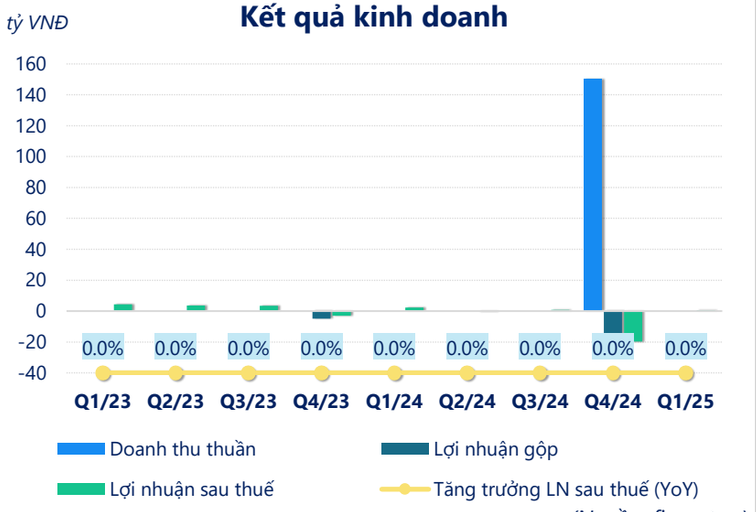
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

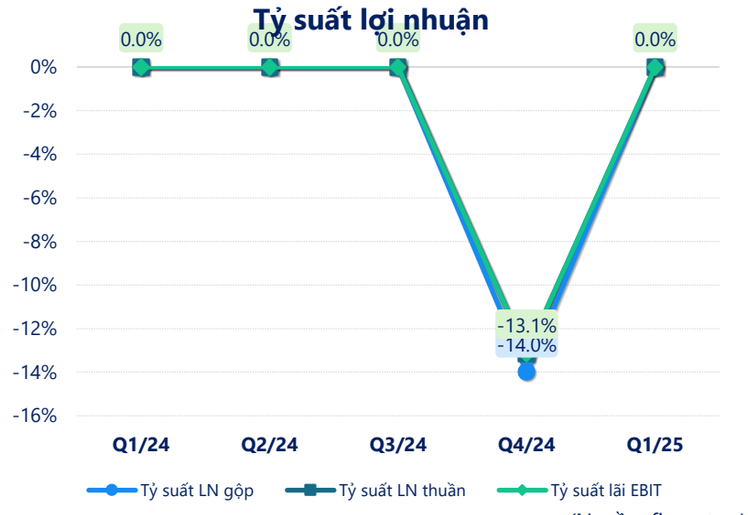
CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

Kết quả kinh doanh



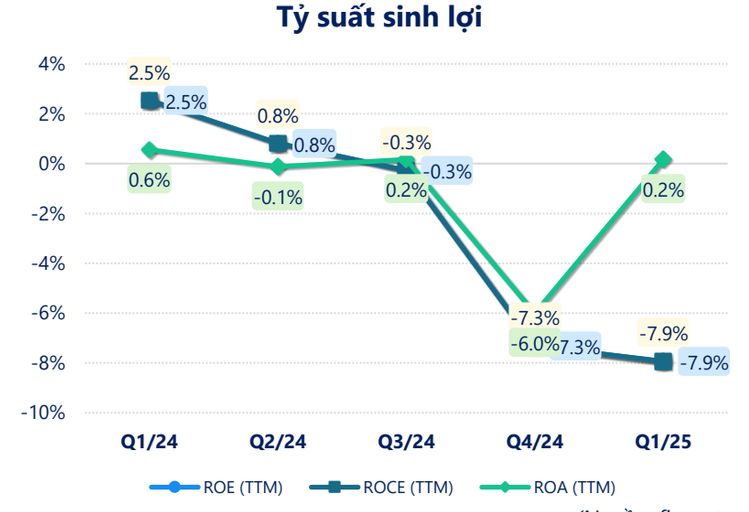
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



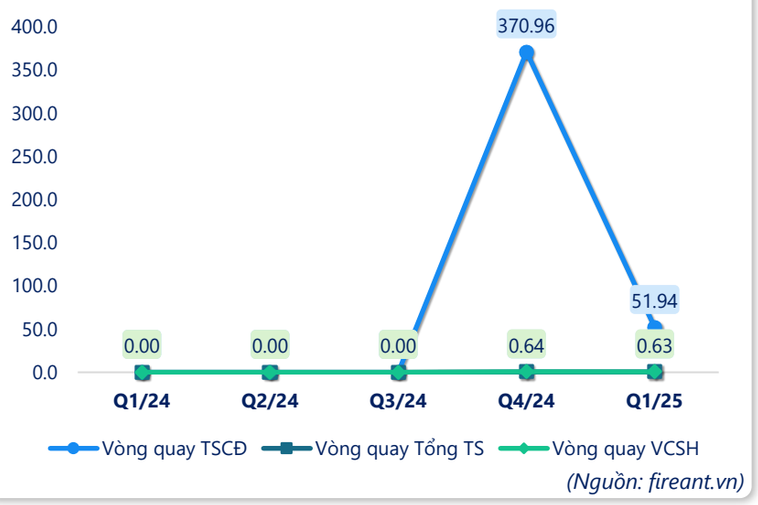
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



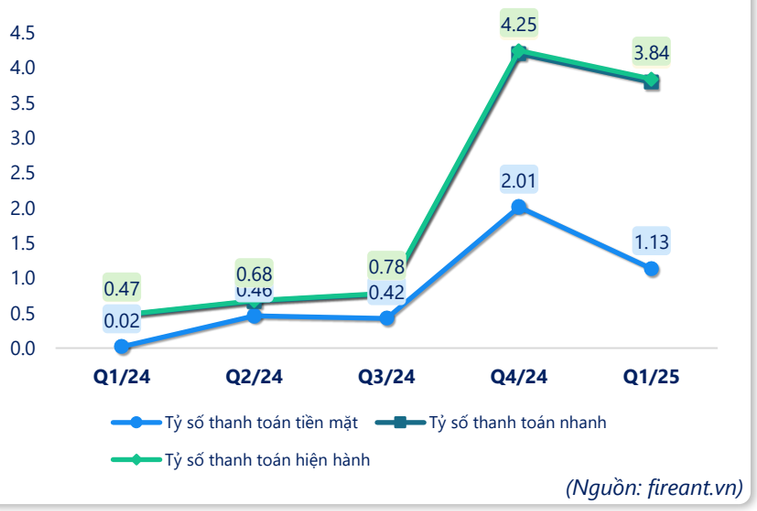
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



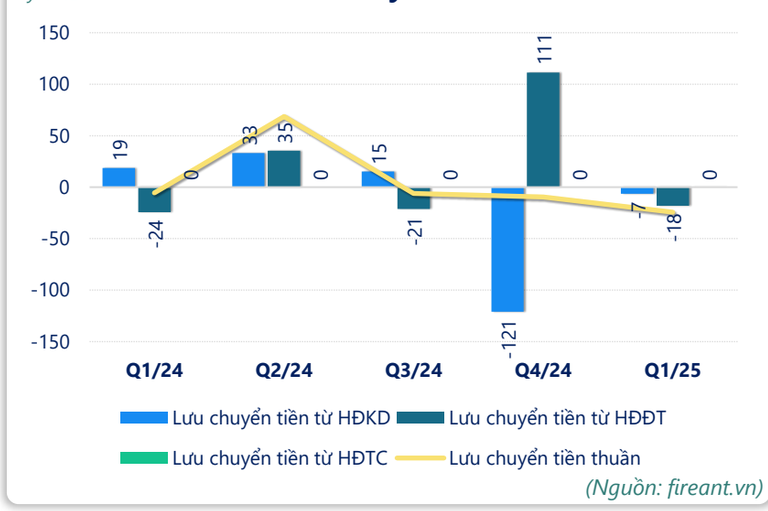
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**259**	**259**	**0.1%**
Tài sản ngắn hạn	107	118	-9.2%
Tiền và tương đương tiền	31.6	55.9	-43.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.2	56.4	26.1%
Phải thu ngắn hạn	1.96	3.77	-48.0%
Hàng tồn kho	1.22	1.22	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.08	0.56	91.1%
Tài sản dài hạn	**152**	**141**	**7.8%**
Phải thu dài hạn	87.3	83.4	4.6%
Tài sản cố định	5.13	0.16	3147%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.5	36.4	0.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	23.0	20.8	10.3%
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0.09**	**-26.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27.9	28.2	-1.2%
Nợ ngắn hạn	**27.9**	**28.2**	**-1.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.03	0.02	74.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**231**	**231**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**231**	**231**	**0.2%**
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0	0	0	150	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	171	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	-21.0	0
Doanh thu HĐTC	3.01	3.03	2.68	4.16	2.15
Chi phí TC	-0.63	1.63	-0.13	1.07	-0.45
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.42	1.90	2.13	1.78	2.06
LN thuần từ HĐKD	2.23	-0.51	0.68	-19.7	0.55
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN trước thuế	2.23	-0.51	0.68	-19.7	0.55
Lợi nhuận sau thuế	2.23	-0.51	0.68	-19.7	0.55
LNST của CĐ cty mẹ	2.23	-0.51	0.68	-19.7	0.55

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.7	33.2	15.1	-121	-6.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.2	35.4	-21.3	111	-18.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0.22
Tiền đầu kỳ	8.57	3.05	71.7	65.5	55.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.52**	**68.6**	**-6.15**	**-9.65**	**-24.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.05	71.7	65.5	55.9	31.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic